

**CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

Hoà bình - Độc lập - Dân chủ - Thống nhất - Thịnh vượng

**CHỦ TỊCH NƯỚC**

Số : 124/CTN

Thủ đô Vientiane, ngày 12/08/2024

**NGHỊ ĐỊNH**

**Về ban hành Luật khuyến khích đầu tư (bản sửa đổi)**

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (bản chỉnh sửa năm 2015)  
Chương VI điều 67 khoản 1;

- Căn cứ Nghị quyết của họp quốc hội số 130/QH, ngày 28/06/2024 về việc chấp thuận  
luật khuyến khích đầu tư (Bản sửa đổi);

- Căn cứ Giấy đề nghị của Ủy ban thường trực Quốc hội số 24/UTT, ngày 29/07/2024.

**Chủ tịch nước**

**Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào ban hành Nghị định:**

Điều 1: Ban hành luật khuyến khích đầu tư (Bản sửa đổi);

Điều 2: Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**CHỦ TỊCH NƯỚC CHDCND LÀO**

(Đã ký và đóng dấu)

*Thongloun Sisoulit*

**CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**  
Hoà bình - Độc lập - Dân chủ - Thống nhất - Thịnh vượng

-----

QUỐC HỘI

Số : 130/QH  
Thủ đô Vientiane, ngày 28/06/2024

**NGHỊ QUYẾT HỌP QUỐC HỘI**  
**VỀ VIỆC THÔNG QUA LUẬT KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**  
**(BẢN SỬA ĐỔI)**

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào số 63/QH, ngày 08/12/2015 Điều 53 khoản 1;

- Căn cứ Luật sửa đổi một số điều khoản của Luật Quốc hội và Luật hội đồng nhân dân tỉnh số 82/Qh, ngày 30/06/2020 điều 11 khoản 1.

Sau khi Kỳ họp thứ 7 của Quốc hội khoá IX đã nghiên cứu xem xét sâu rộng về nội dung luật khuyến khích đầu tư (bản sửa đổi) vào buổi sáng của kỳ họp ngày 26/06/2024 và được xem xét thông qua vào buổi chiều ngày 28/06/2024.

Phiên họp Quốc hội quyết định:

Điều 1: Thông qua luật khuyến khích đầu tư (bản sửa đổi) với số phiếu hơn một nửa của tổng số đại biểu quốc hội vào dự cuộc họp.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**  
(Đã ký và đóng dấu)  
***TS.Xaysomphone Phommvihana***

# CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Hoà bình - Độc lập - Dân chủ - Thống nhất - Thịnh vượng

Quốc hội

Số : 62/QH

Thủ đô Vientiane, ngày 28/06/2024

## LUẬT KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ (BẢN SỬA ĐỔI)

### PHẦN I

#### ĐIỀU KHOẢN CHUNG

##### **Điều 1: (sửa đổi) Mục đích**

Luật này quy định nguyên tắc, quy chế, biện pháp khuyến khích, quản lý việc đầu tư trong và ngoài nước để việc đầu tư được thuận lợi, nhanh chóng, minh bạch, đúng đắn, được bảo vệ và được hưởng các chính sách từ Chính phủ nhằm thu hút nhà đầu tư chất lượng, đảm bảo quyền và lợi ích của nhà nước, tập thể, người dân và nhà đầu tư có khả năng kết nối với kinh tế khu vực và quốc tế, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo hướng xanh và bền vững.

##### **Điều 2 (sửa đổi): Khuyến khích Đầu tư**

Khuyến khích đầu tư là xây dựng các chính sách khuyến khích, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư để giúp các nhà đầu tư hoạt động kinh doanh một cách thuận tiện, nhanh chóng, minh bạch, công bằng và hợp pháp.

##### **Điều 3 (sửa đổi): Định nghĩa**

Các thuật ngữ sử dụng trong luật này có ý nghĩa như sau:

**1. Đầu tư** có nghĩa là việc đưa vốn, tài sản hữu hình, vô hình mà nhà đầu tư đưa vào hoạt động kinh doanh tại Lào hoặc nước ngoài;

**2. Nhà đầu tư** là cá nhân hoặc pháp nhân cả trong và ngoài nước đầu tư vào CHDCND Lào hoặc ở nước ngoài một cách hợp pháp;

**3 Nhà đầu tư trong nước** là cá nhân, pháp nhân Lào đăng ký kinh doanh theo luật pháp của CHDCND Lào;

**4. Nhà đầu tư nước ngoài** là cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài đầu tư và đăng ký kinh doanh theo luật pháp của CHDCND Lào;

**5. Người phát triển:** là pháp nhân được Chính phủ nước CHDCND Lào cấp phép đầu tư để nghiên cứu sự khả thi trong việc phát triển khu kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế riêng theo biên bản ghi nhớ hoặc đầu tư để triển khai phát triển khu kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế riêng theo hợp đồng.

**6. Nhà đầu tư trong khu kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế riêng** là cá nhân hoặc pháp nhân được phép đầu tư để hoạt động kinh doanh sản xuất, thương mại và dịch vụ trong khu kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế riêng theo luật pháp của CHDCND Lào;

**7. Tài sản của nhà đầu tư** là tài sản hữu hình, vô hình do nhà đầu tư sở hữu, có thể dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng;

**8. Tài sản cố định hữu hình** là tiền tệ, tài sản và bất động sản;

**9. Tài sản vốn vô hình** là tài sản về mặt sở hữu trí tuệ, doanh thu trong tương lai, quyền thuê, quyền về mặt thương mại và giá trị nhượng quyền;

**10. Hợp đồng nhượng quyền** là hợp đồng ký kết giữa pháp nhân và cơ quan Chính phủ để cấp phép hoạt động kinh doanh hoặc để phát triển một dự án theo luật pháp của CHDCND Lào;

**11. Biên bản ghi nhớ** là tài liệu ghi nhận các thoả thuận giữa pháp nhân với cơ quan chính quyền để được quyền nghiên cứu sự khả thi của dự án;

**12. phương tiện phục vụ sản xuất trực tiếp** là máy móc và phương tiện sử dụng trực tiếp cho hoạt động đầu tư;

**13. Đầu tư trực tiếp** là việc đưa vốn vào một hoạt động kinh doanh khiến chủ đầu tư trở thành chủ doanh nghiệp, quản lý điều hành hoặc mở rộng doanh nghiệp liên quan;

**14. Ngày hành chính** là ngày làm việc theo lịch của CHDCND Lào.

**15. Ban quản lý khu vực** là đơn vị tổ chức do một cơ quan nhà nước thành lập để thúc đẩy và quản lý các khu kinh tế đặc biệt được phép thành lập ở các tỉnh, thủ đô.

**16. Việc thuê:** là thoả thuận giữa người thuê với người cho thuê đất để sử dụng diện tích vào hoạt động kinh doanh theo hợp đồng và pháp luật bao gồm: thương mại, dịch vụ, làm nơi ở, du lịch, thể dục thể thao, ngoại giao, tổ chức quốc tế;

**17. Việc nhượng quyền** là Chính phủ cấp phép cho người xin nhượng quyền thừa đất nào đó mà chính phủ sắp xếp để đầu tư theo hợp đồng bao gồm: ngành nông nghiệp, trồng cây, khu du lịch, khu công nghiệp hoặc nông trường công nghiệp, khu kinh tế đặc biệt, khu kinh tế riêng, việc phát triển thành đô thị mới, phát triển nguồn năng lượng điện, khai thác mỏ;

**18. Danh sách kêu gọi đầu tư** là các dự án đầu tư vào các hoạt động tổng hợp và hoạt động nhượng quyền mà sở ban ngành và địa phương nghiên cứu và lập lên làm thông tin trong việc thu hút đầu tư.

#### **Điều 4 (sửa đổi): Chính sách của Chính phủ về khuyến khích đầu tư**

Chính phủ khuyến khích hoạt động đầu tư của mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước bằng việc đề ra cơ chế, chính sách để tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng, cung cấp các thông tin cần thiết, chính sách thuế, phí, lao động, quyền sử dụng đất và sử dụng nguồn nước, tiếp cận tài chính, đối xử bình đẳng,

nâng cao nhận thức, bảo vệ quyền sở hữu đối với quyền sử dụng, quyền sở hữu, quyền thừa kế, chuyển giao quyền và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chính phủ khuyến khích đầu tư trong mọi lĩnh vực, hoạt động kinh doanh và các khu vực trên cả nước, ngoại trừ các lĩnh vực và hoạt động kinh doanh được coi là gây bất lợi cho an ninh quốc gia, tác động xấu đối với môi trường tự nhiên hiện tại và trong thời gian dài, gây tác động cho sức khỏe cộng đồng và văn hoá đất nước.

#### **Điều 5 (sửa đổi): Các nguyên tắc khuyến khích đầu tư**

Việc khuyến khích đầu tư phải tuân theo các nguyên tắc sau:

1. Phù hợp với đường lối chính sách xây dựng nền kinh tế độc lập, đường lối chính sách, pháp luật, quy hoạch chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển của ngành, khu vực, vùng, điều kiện đặc biệt về vị trí và mở rộng kinh tế - xã hội từng giai đoạn.
2. Phối hợp chặt chẽ với sự tăng cường quản lý của Nhà nước theo hướng tập trung, thống nhất trên địa bàn cả nước, ủy quyền và phân cấp quản lý cho địa phương;
3. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, tập thể, nhân dân và nhà đầu tư;
4. Bảo đảm dịch vụ đầu tư một cửa thuận tiện, nhanh chóng, minh bạch, hiệu quả và hợp pháp;
5. Bảo đảm cạnh tranh kinh doanh công bằng;
6. Bảo đảm an ninh quốc gia và **trật** tự an toàn xã hội, phát triển văn hóa tinh hoa của dân tộc, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên có hiệu quả theo hướng xanh và bền vững.

#### **Điều 6 (sửa đổi): Phạm vi áp dụng Luật**

Luật này áp dụng đối với cá nhân, pháp nhân và tổ chức trong và ngoài nước mà đầu tư hoặc liên quan đến việc đầu tư tại CHDCND Lào và các nhà đầu tư tại CHDCND Lào có mục đích đầu tư ra nước ngoài.

#### **Điều 7: Hợp tác quốc tế**

Chính phủ khuyến khích hợp tác nước ngoài, khu vực và quốc tế liên quan đến việc khuyến khích đầu tư thông qua chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, công nghệ và kinh nghiệm về khuyến khích và quản lý đầu tư, tiếp thị, thương mại, nguồn vốn, tuân thủ các hiệp ước và thoả thuận quốc tế mà Lào là thành viên.

## **PHẦN II**

### **CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ VÀ BẢO VỆ ĐẦU TƯ**

#### **CHƯƠNG 1**

#### **CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**

#### **Điều 8 (sửa đổi): Chính sách khuyến khích đầu tư**

Chính sách khuyến khích đầu tư là chính sách về thuế, chính sách thuê hoặc nhượng quyền đất nhà nước và chính sách hỗ trợ đầu tư theo ngành và lĩnh vực đã quy định tại điều 9 và 10 của luật này.

Đầu tư sẽ được hưởng chính sách khuyến khích gồm có: đầu tư vào các hoạt động kinh doanh nằm trong danh sách kiểm soát và không nằm trong danh sách kiểm soát, hoạt động nhượng quyền, khu kinh tế đặc biệt và khu kinh tế riêng.

#### **Điều 9 (Sửa đổi): Đầu tư hoạt động kinh doanh theo ngành**

Đầu tư hoạt động kinh doanh theo ngành được hưởng chính sách khuyến khích như sau:

1. Nông nghiệp sạch, sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, trồng cây công nghiệp, phát triển lâm nghiệp, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học;

2. Công nghiệp chế biến nông sản và chế biến ngành khác, sản xuất thức ăn gia súc, phân bón tự nhiên, phân bón sinh học, phân bón khoa học và các yếu tố sản xuất nông nghiệp, thủ công đặc thủ quốc gia, sản phẩm ODOP, việc sản xuất hàng hoá thay thế việc nhập khẩu và sản xuất thành hàng hoá xuất khẩu;

3. Bệnh viện, Nhà máy chế biến thuốc và thiết bị y tế, sản xuất và điều trị bệnh bằng y học cổ truyền.

4. Giáo dục, thể thao, phát triển kỹ năng lao động, sản xuất trang thiết bị giáo dục, thể thao;

5. Sử dụng công nghệ số, nghiên cứu và phát triển khoa học, sử dụng sáng kiến thân thiện với môi trường, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và năng lượng;

6. Phát triển ngành công nghiệp du lịch thiên nhiên, văn hoá và lịch sử bền vững, thân thiện với môi trường;

7. Đầu tư, cung cấp dịch vụ và phát triển cơ sở hạ tầng công cộng như xây dựng quốc lộ và đường sắt, việc cung cấp nước, xử lý nước thải, xử lý rác thải;

8. Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng để đáp ứng việc đầu tư trong khu kinh tế đặc biệt;

9. Dịch vụ Logistic, vận tải hàng hoá, hệ thống kho bãi, dịch vụ trung chuyển và đường kết nối quốc tế, vận tải hành khách và hàng hoá thông qua đường bộ, đường thủy, đường sắt và đường không.

Chính phủ là người quy định danh sách cụ thể về các hoạt động theo ngành được hưởng chính sách khuyến khích.

#### **Điều 10 (sửa đổi): Khuyến khích theo khu vực**

Đầu tư theo khu vực được hưởng chính sách khuyến khích như sau:

Khu vực 1: Khu vực có hạ tầng kinh tế - xã hội không thuận lợi cho đầu tư;

Khu vực 2: Khu có hạ tầng kinh tế xã hội thuận lợi cho đầu tư;

Chính phủ là người quy định và đánh giá khu vực mỗi 5 năm.

### **Điều 11 (sửa đổi): Ưu đãi về thuế lợi tức theo ngành kinh doanh và theo khu vực**

Nhà đầu tư đầu tư vào các ngành và khu vực quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật này sẽ được miễn thuế lợi tức như sau:

1. Đầu tư tại khu vực 1: Miễn thuế lợi tức tối đa không quá 10 năm. Đối với đầu tư vào các ngành quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều 9 sẽ được miễn thuế thêm nhưng không quá 05 năm, đối với ngành giáo dục sẽ được miễn thuế lợi tức suốt thời gian đầu tư;

2. Đầu tư tại khu vực 2: Miễn thuế lợi tức tối đa không quá 04 năm, đối với đầu tư vào các ngành quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều 9 sẽ được miễn thuế thêm 03 năm. Đối với ngành giáo dục sẽ được miễn thuế lợi tức suốt thời gian đầu tư;

Thời gian miễn thuế được tính từ năm mà doanh nghiệp có doanh thu kinh doanh.

Sau khi hết thời hạn miễn thuế, doanh nghiệp phải thực hiện theo Luật thuế lợi tức.

Chính phủ ban hành các quy định và thủ tục chi tiết để thực hiện chính sách miễn thuế lợi tức theo quy định pháp luật.

### **Điều 12 (sửa đổi): Ưu đãi về thuế, thuế lợi tức và thuế giá trị gia tăng**

Nhà đầu tư đầu tư vào các ngành và khu vực sẽ nhận được ưu đãi thuế như sau:

1. Nhập khẩu thiết bị không thể cung cấp hoặc sản xuất ở Lào, để hình thành tài sản cố định, máy móc, phương tiện phục vụ việc sản xuất trực tiếp sẽ được miễn thuế. Đối với việc nhập khẩu nhiên liệu, khí đốt, nhớt, hoá chất, phương tiện phục vụ hành chính và các công cụ khác bao gồm cả việc tạm nhập khẩu máy móc, phương tiện được thực hiện theo Luật thuế.

2. Nhập khẩu nguyên liệu, khoáng chất, thiết bị, phụ tùng phục vụ việc sản xuất để xuất khẩu sẽ được miễn thuế;

3. Nhập khẩu nguyên liệu, khoáng chất, thiết bị, phụ tùng phục vụ việc sản xuất để phân phối trong nước sẽ được miễn thuế;

4. Xuất khẩu nông sản được từ việc sản xuất, trồng và chăn nuôi, hàng công nghiệp qua quy trình sản xuất hoặc chế biến thành thành phẩm, sản phẩm thủ công sẽ được miễn thuế xuất khẩu, ngoại trừ một số hàng hoá quy định riêng từng thời điểm.

Chuyên gia trong ngành được khuyến khích sẽ được ưu đãi 5% thuế thu nhập cá nhân, đối tượng và điều kiện của người được hưởng chính sách trên đã quy định cụ thể.

Về chính sách về thuế giá trị gia tăng thực hiện theo luật giá trị gia tăng.

### **Điều 13: Chính sách tiếp cận nguồn vốn**

Nhà đầu tư được hưởng các chính sách tiếp cận nguồn vốn thông qua việc vay vốn từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính khác ở Lào và ở nước ngoài theo luật pháp có liên quan.

### **Điều 14 (mới): Chính sách khuyến khích mở rộng đầu tư**

Nhà đầu tư lấy lợi nhuận ròng đi đầu tư tiếp để tăng hoạt động kinh doanh hoặc mở rộng hoạt động đầu tư sẽ được miễn thuế lợi nhuận cho 01 năm tiếp theo dựa trên tỷ lệ lợi nhuận đưa đi đầu tư trên cơ sở hoạt động kinh doanh hợp pháp và được chứng nhận của cơ quan chức năng.

Nhà đầu tư bị lỗ trong hoạt động kinh doanh có thể chuyển khoản thua lỗ trong năm khấu trừ vào lợi nhuận của năm tiếp theo như đã quy định trong luật thuế thu nhập và các luật liên quan.

Việc mở rộng đầu tư hoặc mở rộng hoạt động kinh doanh bằng cách đầu tư thêm vốn cũng sẽ được hưởng các chính sách khuyến khích đầu tư theo quy định tại mục một của điều này.

**Điều 15 (sửa đổi): Chính sách miễn tiền thuê đất hoặc nhượng quyền sử dụng đất nhà nước**

Nhà đầu tư đầu tư vào các ngành quy định tại Điều 9 của Luật này được miễn tiền thuê, nhượng quyền sử dụng đất của nhà nước như sau:

1. Đầu tư tại khu vực 1: được miễn trong thời gian không quá 10 năm. Đối với đầu tư vào các ngành quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của Điều 9 sẽ được miễn thêm nhưng không quá 05 năm;

2. Đầu tư tại khu vực 2: được miễn không quá 05 năm, đối với đầu tư vào các ngành quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của Điều 9 sẽ được miễn thuế thêm 03 năm.

Chi tiết cụ thể về thời gian được miễn tiền thuê hoặc nhượng quyền đất nhà nước được quy định riêng.

**Điều 16 (sửa đổi): Chính sách khuyến khích về việc sử dụng đất nhà nước**

Các nhà đầu tư, đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh nhượng quyền tại CHDCND Lào sẽ nhận được hưởng chính sách về việc sử dụng đất Nhà nước như sau:

1. Nhà đầu tư có quyền thuê hoặc nhượng quyền đất Nhà nước để hoạt động kinh doanh và có thể đề nghị Chính phủ hoặc chính quyền tỉnh nghiên cứu về việc nhượng quyền sử dụng đất cho mình thuê hoặc nhượng quyền trong thời gian thuê hoặc nhượng quyền còn lại và đã hoàn thành việc đầu tư trên năm mươi phần trăm (50%) theo kế hoạch tổng thể phát triển dự án, bản luận chứng kinh tế - kỹ thuật hoặc kế hoạch hoạt động kinh doanh đã được đánh giá của các cơ quan liên quan và đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê hoặc nhượng quyền. Đối với diện tích chưa phát triển hoặc sử dụng không đúng mục đích thuê hoặc nhượng quyền thì phải hoàn trả lại cho nhà nước và phải khôi phục đất lại;

2. Nhà đầu tư có quyền sử dụng đất cho thuê hoặc chuyển nhượng đất nhà nước để xây dựng văn phòng hoặc nhà ở trong thời hạn đầu tư. Ngoài ra còn được quyền thuê hoặc nhượng quyền theo quyết định của Ủy ban chính quyền tỉnh.

Chính phủ ban hành các quy định thực hiện chính sách về việc sử dụng đất nhà nước.

## **CHƯƠNG 2**

### **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

**Điều 17 (sửa đổi): Chính sách hỗ trợ đầu tư**

Chính sách hỗ trợ đầu tư gồm có:



1. Chính sách hỗ trợ thông tin;
2. Chính sách hỗ trợ khác;

#### **Điều 18: Chính sách hỗ trợ thông tin**

Để đảm bảo cho nhà đầu tư có thể nhanh chóng, kịp thời nhận được thông tin chính xác về đầu tư và có thể quyết định đầu tư, phải thành lập Trung tâm thông tin đầu tư **tại** tất cả các Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa có liên quan.

Trung tâm cung cấp thông tin đầu tư là bên thu thập và tổng hợp số liệu về đầu tư để xây dựng mạng thông tin, cung cấp và trao đổi thông tin, quảng cáo thông qua các trang web, sổ tay, bản tin, tờ rơi quảng cáo về đầu tư cho những người quan tâm, các đại sứ quán, Tổng lãnh **sự** quán tại Lào hoặc văn phòng đại diện về thương mại tại nước ngoài để đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư.

#### **Điều 19 (sửa đổi): Chính sách hỗ trợ khác**

Các nhà đầu tư nhận được chính sách hỗ trợ khác như sau:

1. Được xem xét khen thưởng của Chính phủ theo các hình thức phù hợp với nhà đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ đầy đủ và kịp thời, góp phần phát triển cộng đồng, xã hội, quan tâm giải quyết các vấn đề môi trường, phát triển kỹ năng cho lao động Lào có xác nhận của các ngành có liên quan và chính quyền địa phương;

2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài được tạo thuận lợi để xin giấy phép cư trú và thị thực xuất nhập cảnh nhiều lần theo thời hạn đầu tư.

Nhà đầu tư nước ngoài và gia đình, chuyên viên kỹ thuật nước ngoài, các chuyên gia sẽ được tạo điều kiện cho việc xuất nhập cảnh Lào, kể cả việc xin thị thực xuất nhập cảnh nhiều lần nhưng mỗi lần không quá 05 năm và nhà đầu tư có điều kiện theo quy định có thể xin thành công dân danh dự được.

Trường hợp cần thiết cần phải cấp chính sách khuyến khích đặc biệt khác trong một số ngành nghề, khu vực thì Chính phủ sẽ đề xuất với Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Quốc hội xem xét.

Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư khác cho nhà đầu tư.

#### **Điều 20 (sửa đổi): Thực hiện cấp chính sách khuyến khích**

Cá nhân, pháp nhân có điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư như quy định trong bộ luật này có thể nộp đơn lên phòng dịch vụ đầu tư một cửa để xin giấy khuyến khích đầu tư.

Chính phủ là người quy định về điều kiện, quy trình và thời hạn cấp chính sách khuyến khích.

### **CHƯƠNG 3 BẢO VỆ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 21: Bảo vệ đầu tư**

Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và sự bình đẳng của các nhà đầu tư trong và ngoài nước dưới pháp luật của CHDCND Lào, hiệp ước, thỏa thuận quốc tế mà Lào là thành viên.

#### **Điều 22 (sửa đổi): Hình thức bảo vệ đầu tư**

Chính phủ thừa nhận và bảo vệ việc đầu tư hợp pháp của nhà đầu tư sẽ không bị tịch thu hoặc chuyển tài sản của nhà đầu tư thành của chính phủ bằng các biện pháp hành chính.

Trường hợp Chính phủ có nhu cầu sử dụng tài sản của nhà đầu tư lợi trong khu vực dự án vì lợi ích công cộng, nhà đầu tư được bồi thường giá trị thực tế đầu tư theo giá thị trường tại thời điểm chuyển giao và sử dụng phương thức thanh toán theo thỏa thuận của cả hai bên.

#### **Điều 23: Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ**

Chính phủ thừa nhận và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các nhà đầu tư đăng ký theo Luật Sở hữu trí tuệ của Lào, Hiệp ước quốc tế Lào là thành viên và hiệp định khác liên quan.

### **PHẦN III**

## **HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

#### **Điều 24 : Các hoạt động đầu tư**

Hoạt động đầu tư là hoạt động kinh doanh đầu tư theo các hình thức, loại hình kinh doanh, điều kiện, thủ tục, vốn đăng ký và nhập khẩu vốn.

### **CHƯƠNG 1**

## **HÌNH THỨC VÀ LOẠI HÌNH KINH DOANH ĐẦU TƯ**

#### **Điều 25: Các hình thức đầu tư**

Đầu tư bao gồm các hình thức sau đây:

1. Hoạt động đầu tư của nhà đầu tư trong hoặc ngoài nước;
2. Liên doanh giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước;
3. Hợp tác kinh doanh theo hợp đồng;
4. Liên doanh giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp tư nhân;
5. Quan hệ hợp tác nhà nước - tư nhân.

Chính phủ có thể tham gia giữ cổ phần trong dự án nhượng quyền tùy theo từng trường hợp cụ thể như được quy định trong các luật có liên quan.

#### **Điều 26: Đầu tư của nhà đầu tư trong hoặc ngoài nước**

Hoạt động đầu tư của nhà đầu tư trong hoặc ngoài nước là việc đầu tư riêng của nhà đầu tư trong hoặc ngoài nước và có thể là một hoặc nhiều nhà đầu tư trong hoạt động kinh doanh hoặc dự án tại CHDCND Lào.

#### **Điều 27 (Sửa đổi): Liên doanh giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước**

Liên doanh giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước là việc đầu tư chung giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài hoạt động kinh doanh, được quyền sở hữu chung và thành lập một pháp nhân mới theo luật pháp của CHDCND Lào.

Tổ chức, hoạt động, quản lý, quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư liên doanh được xác định trong hợp đồng liên doanh và trong Điều lệ của pháp nhân thành lập mới.

### **Điều 28 (sửa đổi): Hợp tác kinh doanh theo hợp đồng**

Hợp tác kinh doanh theo hợp đồng là thoả thuận hợp tác kinh doanh giữa các pháp nhân trong và ngoài nước bao gồm cả các bên công và tư thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định luật pháp của CHDCND Lào trong một khoảng thời gian nhất định mà không cần thiết lập một pháp nhân mới hoặc chi nhánh tại CHDCND Lào. Hợp đồng này xác định rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích của mỗi bên và quyền, nghĩa vụ đối với Chính phủ. Sau khi ký hợp đồng hợp tác phải trình báo cho văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa để quản lý và giám sát và đưa đi chứng thực tại Toà án của CHDCND Lào theo quy định.

### **Điều 29: Liên doanh giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân**

Liên doanh giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân là sự hợp tác giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân để hoạt động kinh doanh, đồng sở hữu và thành lập một tổ chức mới theo luật pháp CHDCND Lào.

Tổ chức, hoạt động, quản lý, quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân được quy định cụ thể trong hợp đồng liên doanh và điều lệ của pháp nhân mới nói trên.

### **Điều 30: Hoạt động hợp tác đầu tư giữa nhà nước và tư nhân**

Hoạt động hợp tác đầu tư giữa nhà nước và tư nhân là một loại hình hợp tác đầu tư giữa cơ quan nhà nước và tư nhân theo hợp đồng liên doanh để thực hiện dự án xây dựng mới, cải tạo cơ sở hạ tầng hoặc cung cấp dịch vụ công cộng.

Các lĩnh vực, điều kiện và thủ tục hợp tác đầu tư nhà nước và tư nhân được quy định riêng.

### **Điều 31 (sửa đổi): Các loại hình đầu tư**

Loại hình đầu tư bao gồm 2 loại:

1. Loại hình đầu tư tổng hợp;
2. Loại hình đầu tư nhượng quyền.

Các sở ban ngành và địa phương có trách nhiệm nghiên cứu và lập danh sách kêu gọi đầu tư từng loại hoạt động đầu tư trên cơ sở phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, sở ban ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương và tiềm năng thế mạnh làm thông tin cung cấp cho Sở kế hoạch và đầu tư trong việc thu hút đầu tư.

## **CHƯƠNG 2**

### **CÁC LOẠI HÌNH ĐẦU TƯ TỔNG HỢP**

### **Điều 32: Loại hình đầu tư tổng hợp**

Loại hình đầu tư tổng hợp bao gồm:

1. Hoạt động kinh doanh thuộc danh mục kinh doanh có kiểm soát;
2. Hoạt động kinh doanh nằm ngoài danh mục kinh doanh có kiểm soát.

**Điều 33 (Sửa đổi): Hoạt động kinh doanh thuộc danh mục kinh doanh có kiểm soát**

Hoạt động kinh doanh thuộc danh mục kinh doanh có kiểm soát là loại hình kinh doanh có tác động đối với an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và tác động đến môi trường tự nhiên và xã hội để bảo đảm sự cân bằng trong việc phát triển các lĩnh vực kinh tế và xã hội cần phải có sự nghiên cứu và phân cấp quản lý của cơ quan có liên quan trước khi Bộ Kế hoạch và đầu tư, Ủy ban khuyến khích và quản lý đầu tư cấp tỉnh cấp phép đầu tư.

Chính phủ lập danh mục kinh doanh có kiểm soát theo từng thời kỳ.

**Điều 34 (sửa đổi): Hoạt động kinh doanh ngoài danh mục kinh doanh có kiểm soát**

Các hoạt động kinh doanh nằm ngoài danh mục kinh doanh có kiểm soát là các loại hình mở rộng hoạt động đầu tư tổng hợp mà có thể thông báo đăng ký kinh doanh hoặc xin phép hoạt động kinh doanh theo Luật doanh nghiệp và các quy định có liên quan.

### **CHƯƠNG 3**

#### **THỦ TỤC ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**Điều 35 (sửa đổi): Đăng ký kinh doanh thuộc danh mục kinh doanh có kiểm soát**

Cá nhân, pháp nhân có mục đích đầu tư vào danh mục kinh doanh có kiểm soát phải nộp đơn xin đăng ký kinh doanh với phòng công thương theo luật doanh nghiệp, sau đó nộp đơn xin phép với văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp Trung ương hoặc cấp tỉnh. Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu và sau đó trình Bộ kế hoạch và đầu tư hoặc Ủy ban chính quyền cấp tỉnh để phê duyệt theo thẩm quyền được quy định tại quy định có liên quan.

Sau khi có giấy phép đầu tư thì phải xin giấy phép kinh doanh với các sở ban ngành liên quan theo quy định pháp luật.

**Điều 36 (sửa đổi): Thời gian xem xét đơn xin phép đầu tư vào các lĩnh vực thuộc danh mục kinh doanh có kiểm soát**

Thời gian xem xét đơn xin phép đầu tư vào các lĩnh vực thuộc danh mục kinh doanh có kiểm soát được quy định như sau:

1. Nhà đầu tư được cấp Giấy phép đầu tư trong vòng 25 ngày hành chính, kể từ ngày Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa nhận đơn xin phép đầu tư;

2. Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa phải gửi giấy đề nghị đến các ban ngành và chính quyền địa phương để xin ý kiến trong thời gian 02 ngày làm việc để xem xét, trả lời bằng văn bản trong vòng 8 ngày làm việc;

3. Sau khi nhận được ý kiến của các ban ngành và chính quyền địa phương, Văn phòng dịch vụ Đầu tư một cửa xem xét, đề nghị Bộ kế hoạch và đầu tư hoặc Ủy ban chính quyền tỉnh để xin phép cấp giấy phép đầu tư trong vòng 5 ngày.

4. Trường hợp ý kiến của các sở ban ngành và Ủy ban chính quyền địa phương không thống nhất hoặc không có ý kiến theo thời gian quy định tại khoản 2 của điều này thì Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa phải phối hợp và tổ chức cuộc họp để nghiên cứu cùng với sở ban ngành liên quan và Ủy ban chính quyền, sau đó đề nghị Bộ kế hoạch và đầu tư hoặc Ủy ban chính quyền tỉnh nghiên cứu trong vòng 5 ngày.

Trong trường hợp đơn xin phép đầu tư không được phê duyệt thì Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa phải thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 37 (Mới): Sự thay đổi hoạt động kinh doanh trong danh mục kinh doanh có kiểm soát**

Các hoạt động kinh doanh trong danh mục có kiểm soát sẽ bị thay đổi trong một trường hợp nào đó như: thay đổi mục đích hoạt động kinh doanh, vốn đăng ký nhà đầu tư phải được sự đồng ý của cơ quan cấp phép hoạt động kinh doanh, đối với việc thay đổi người giữ cổ phần ..thực hiện theo luật liên quan sau đó đề nghị thay đổi giấy phép đầu tư với ngành kế hoạch và đầu tư và giấy phép kinh doanh với ngành công thương.

**Điều 38 (Sửa đổi): Đề nghị đăng ký hoạt động kinh doanh ngoài danh mục kinh doanh có kiểm soát**

Nhà đầu tư có mục đích đăng ký hoạt động kinh doanh ngoài danh mục kinh doanh có kiểm soát thì nhà đầu tư phải nộp đơn xin đăng ký kinh doanh với ngành công thương để đăng ký kinh doanh theo luật doanh nghiệp và xin phép hoạt động kinh doanh với ngành liên quan theo quy định pháp luật.

Đối với việc đăng ký hoạt động kinh doanh ngoài danh mục kinh doanh có kiểm soát mà có trong ngành khuyến khích đầu tư, sau khi được cấp phép hoạt động kinh doanh nhà đầu tư có thể nộp đơn lên văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa để xin đơn khuyến khích đầu tư.

**Điều 39 (Sửa đổi): Việc xem xét đăng ký kinh doanh trong hoạt động kinh doanh ngoài danh mục kinh doanh có kiểm soát**

Các thủ tục và thời gian xem xét đăng ký kinh doanh và việc xin phép hoạt động kinh doanh trong ngành nghề ngoài danh mục kiểm soát thực hiện theo luật doanh nghiệp và các luật liên quan.

**Điều 40: Thời hạn đầu tư trong hoạt động kinh doanh tổng hợp**

Việc đầu tư trong hoạt động kinh doanh tổng hợp không hạn chế về thời gian đầu tư, ngoại trừ các lĩnh vực đầu tư có quy định thời hạn đầu tư trong bộ luật có liên quan.

## **CHƯƠNG 4**

### **KINH DOANH ĐẦU TƯ NHƯỢNG QUYỀN**

**Điều 41 (sửa đổi): Kinh doanh đầu tư nhượng quyền**

Kinh doanh đầu tư nhượng quyền là một khoản đầu tư mà Nhà đầu tư được Nhà nước cho phép theo quy định để phát triển và hoạt động kinh doanh như nhượng quyền đất đai, phát

triển các khu kinh tế đặc biệt, khai thác mỏ, dịch vụ hàng không, đường xá, phát triển nguồn năng lượng điện lực, dịch vụ công nghệ kỹ thuật và viễn thông.

Trong ngành nghề kinh doanh nhượng quyền còn có ngành nghề kinh doanh nhượng quyền riêng là ngành nghề đầu tư nhượng quyền có tính chất chiến lược, nhượng quyền quốc gia có giới hạn và liên quan đến an ninh quốc gia và nhượng quyền sử dụng tài nguyên thiên nhiên có giá trị cao và dự án chiếm diện tích nhiều tỉnh.

Chính phủ quy định danh mục lĩnh vực nhượng quyền và lĩnh vực nhượng quyền đặc biệt.

#### **Điều 42 (sửa đổi) Thời hạn đầu tư trong lĩnh vực nhượng quyền**

Thời hạn đầu tư kinh doanh nhượng quyền phụ thuộc vào loại, quy mô, giá trị đầu tư, điều kiện, bản luận chứng kinh tế - kỹ thuật của dự án theo luật liên quan nhưng tối đa không quá năm mươi năm.

Thời hạn đầu tư kinh doanh nhượng quyền có thể gia hạn căn cứ theo kết quả đánh giá và thống nhất của Chính phủ hoặc Quốc hội Hoặc Hội đồng nhân dân tỉnh theo phạm vi quyền đã quy định trong luật liên quan.

### **CHƯƠNG 5**

#### **ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC ĐẦU TƯ HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN**

##### **Điều 43 : Điều kiện của nhà đầu tư kinh doanh nhượng quyền**

Các điều kiện đầu tư cho kinh doanh nhượng quyền gồm có:

1. Là pháp nhân;
2. Có kinh nghiệm và thành công trong kinh doanh được chứng nhận bởi các cơ quan chức năng;
3. Có khả năng tài chính hoặc có nguồn vốn được xác nhận bởi cơ sở tài chính trong và ngoài nước;
4. Qua đầu giá theo luật liên quan;
5. Có các điều kiện khác theo quy định pháp luật.

##### **Điều 44 (sửa đổi): Thủ tục và hồ sơ xin phép đầu tư**

Hồ sơ xin phép đầu tư gồm có:

1. Đơn xin phép đầu tư theo mẫu;
2. Sơ yếu lý lịch, kinh nghiệm của nhà đầu tư, Giấy phép kinh doanh, chứng minh nhân dân hoặc bản sao hộ chiếu và lý lịch tư pháp của giám đốc công ty;
3. Hợp đồng liên doanh;
4. Giấy ủy quyền cho người đại diện của các cổ đông hoặc người giữ cổ phần doanh nghiệp, trường hợp người đó ở trong chức vụ cao nhất của công ty;

- 5.Kế hoạch và hình thức hoạt động kinh doanh;
6. Giấy chứng nhận tài chính, nguồn vốn, báo cáo tài chính 2 năm;
- 7.Bản sao điều lệ công ty;
- 8.Các hồ sơ khác tùy theo loại hình kinh doanh nhượng quyền theo luật liên quan.

**Điều 45 (sửa đổi): Việc nộp hồ sơ xin ký biên bản hoặc hợp đồng để nghiên cứu sự khả thi của dự án đầu tư trong hoạt động kinh doanh nhượng quyền**

Nhà đầu tư có mục đích ký biên bản hoặc hợp đồng để nghiên cứu sự khả thi của dự án đầu tư trong hoạt động nhượng quyền đặc biệt thì nộp hồ sơ xin phép đầu tư cùng với hồ sơ kèm theo tại văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp Trung ương. Đối với hoạt động nhượng quyền không nằm trong hoạt động nhượng quyền đặc biệt thì nộp hồ sơ xin phép đầu tư cùng với hồ sơ kèm theo tại văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp tỉnh.

Đối với hoạt động nhượng quyền nào có luật quy định cơ chế riêng thì nộp hồ sơ xin phép đầu tư tại sở ban ngành hoặc địa phương theo phân cấp quản lý quy định trong luật liên quan.

Đối với dự án mà Chính phủ có thông tin đầy đủ thì thông báo cho đấu giá để tuyển nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

Đối với dự án có nhà đầu tư hơn một công ty đề nghị đầu tư cùng ngành nghề kinh doanh hoặc cùng một diện tích trong thời gian cách nhau không quá 30 ngày thì tiến hành tuyển theo bản so sánh hoặc đấu giá theo quy định pháp luật.

Chính phủ là người ban hành quy định đấu giá.

**Điều 46 (sửa đổi): Quy trình và thời gian để xem xét cấp phép đầu tư kinh doanh nhượng quyền**

Quy trình và thời gian để xem xét cấp phép đầu tư kinh doanh nhượng quyền cần thực hiện như sau:

1. Quy trình xem xét cho phép ký biên bản hoặc hợp đồng để nghiên cứu sự khả thi của dự án.

Nhà đầu tư được cấp phép ký biên bản hoặc hợp đồng để nghiên cứu sự khả thi của dự án trong thời hạn 65 ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa tiếp nhận đầy đủ hồ sơ. Quy trình xem xét thực hiện như sau:

**1.1.Đối với hoạt động nhượng quyền đặc biệt**

Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa gửi văn bản đề nghị đến cơ quan liên quan và chính quyền địa phương để xin ý kiến trong thời hạn 02 ngày làm việc để nghiên cứu xem xét, trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày làm việc.

Khi nhận được ý kiến của cơ quan chức năng, Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa Trung ương xem xét, kiến nghị Bộ Kế hoạch và đầu tư để xem xét chấp thuận về nguyên tắc, sau đó Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa Trung ương tổ chức cuộc họp đàm phán về biên bản hoặc

hợp đồng với nhà đầu tư do có sự tham gia của các sở ban ngành và chính quyền địa phương rồi đề nghị chính phủ xem xét cho phép ký biên bản hoặc hợp đồng trong vòng 30 ngày, do Bộ kế hoạch và đầu tư đại diện cho Chính phủ ký biên bản hoặc hợp đồng nói trên, có đại diện của chính quyền tỉnh và Bộ liên quan ký làm chứng.

Trường hợp ý kiến của các sở ban ngành và Ủy ban chính quyền địa phương không thống nhất hoặc không có ý kiến theo thời gian quy định thì Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa Trung ương phải phối hợp và tổ chức cuộc họp để nghiên cứu sau đó báo cáo Chính phủ xem xét.

#### 1.2. Đối với các hoạt động nhượng quyền không nằm trong các hoạt động nhượng quyền đặc biệt

Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa tỉnh phải gửi văn bản xin ý kiến đến các sở liên quan của tỉnh và thủ đô trong thời hạn hai ngày làm việc để nghiên cứu, phối hợp với trung ương và có ý kiến, trả lời trong thời hạn ba mươi ngày làm việc.

Sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp tỉnh phải nghiên cứu báo cáo Ban quản lý tỉnh xem xét thống nhất nguyên tắc, sau đó Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp tỉnh tổ chức họp để đàm phán Biên bản ghi nhớ hoặc hợp đồng với nhà đầu tư với sự tham gia của các ngành liên quan và cơ quan chính quyền địa phương rồi báo cáo ủy ban quản lý cấp tỉnh xin phép ký biên bản hoặc hợp đồng trong vòng 30 ngày do Sở Kế hoạch và Đầu tư đại diện cho chính quyền tỉnh ký biên bản hoặc hợp đồng và có đại diện Bộ kế hoạch và đầu tư các bộ liên quan ký làm chứng.

Trường hợp ý kiến của các bên liên quan chưa thống nhất hoặc không được trả lời theo thời gian quy định, Văn phòng Dịch vụ đầu tư một cửa cấp tỉnh phối hợp các sở, ngành liên quan tổ chức họp thảo luận, báo cáo Ban quản lý tỉnh xem xét.

#### 1.3. Nhà đầu tư phải nộp tiền bảo lãnh tại Kho bạc Nhà nước trước ngày ký Biên bản ghi nhớ hoặc hợp đồng.

### 2. Thủ tục xem xét cho phép ký hợp đồng nhượng quyền

Sau khi ký biên bản ghi nhớ hoặc hợp đồng, nhà đầu tư phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và điều kiện của biên bản ghi nhớ hoặc hợp đồng nói trên và đã thông qua việc phê duyệt các bản nghiên cứu của các ban ngành liên quan như giấy chứng nhận Bản luận chứng kinh tế - kỹ thuật, giấy chứng nhận báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy chứng nhận kế hoạch quản lý và quan trắc môi trường và giấy chứng nhận bản đồ đất đai của khu vực nhượng quyền. Sau đó, nhà đầu tư phải trình Văn phòng Dịch vụ đầu tư một cửa cấp trung ương hoặc cấp tỉnh theo phân cấp quản lý ghi trong danh mục kinh doanh nhượng quyền để xem xét ký hợp đồng nhượng quyền.

Đối với cấp trung ương, Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa phải nghiên cứu báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đối với cấp tỉnh phải nghiên cứu báo cáo Ban quản lý tỉnh xem xét về nguyên tắc, Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa tổ chức họp đàm phán hợp đồng nhượng quyền với nhà đầu tư có sự tham gia của các sở ban ngành liên quan và chính quyền địa phương, báo cáo đề nghị Chính phủ hoặc Ủy ban quản lý cấp tỉnh xem xét, chấp thuận ký hợp



đồng nhượng quyền, ngành kế hoạch và đầu tư đại diện Chính phủ hoặc Ủy ban quản lý cấp tỉnh ký trong hợp đồng trên.

Nhà đầu tư phải nộp tiền bảo lãnh tại Kho bạc Nhà nước trước ngày ký hợp đồng nhượng quyền và thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng.

3. Ngành kế hoạch và đầu tư là người cấp giấy phép đầu tư trong các hoạt động nhượng quyền theo sự phân cấp quản lý.

#### **Điều 47 : Những thay đổi trong đầu tư nhượng quyền**

Đầu tư nhượng quyền có thể thay đổi trong một trường hợp nào đó như bổ sung ngành nghề kinh doanh, cổ đông, vốn đăng ký ...theo yêu cầu của nhà đầu tư nhưng phải được sự cho phép của cơ quan cấp phép đầu tư theo quyền quy định trong pháp luật.

#### **Điều 48 (sửa đổi): Chuyển nhượng quyền hoặc chuyển nhượng dự án theo hợp đồng nhượng quyền**

Nhà đầu tư kinh doanh nhượng quyền được chuyển nhượng quyền hoặc chuyển nhượng một phần hay toàn bộ dự án cho các nhà đầu tư khác theo các điều kiện sau:

1. Được sự chấp thuận của Chính phủ, chính quyền cấp tỉnh, thủ đô.
2. Đã hoàn thành các yêu cầu quy định tại Điều 16 khoản 1 của Luật này, thực hiện các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận, quy định pháp luật;
3. Không thuộc quá trình hòa giải, khởi kiện hoặc tố tụng pháp lý;

Trong trường hợp được cấp phép chuyển nhượng quyền hoặc dự án theo hợp đồng, Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa thông báo cho nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ thuế, lệ phí và phí dịch vụ đầy đủ theo quy định pháp luật, sau đó giao cho ngành kế hoạch và đầu tư chỉnh sửa các hồ sơ đầu tư liên quan và đưa đi chứng thực với phòng chứng thực Tòa án của nước CHDCND Lào.

#### **Điều 49 (sửa đổi): Quyền phê duyệt của Quốc hội**

Quốc hội có quyền phê duyệt các hoạt động đầu tư như sau:

1. Xem xét phê duyệt vốn chung của nhà nước trong việc đầu tư giữa nhà nước và tư nhân theo quy định pháp luật.
2. Dự án đầu tư quốc gia;
3. Dự án xây dựng nhà máy điện hạt nhân;
4. Việc thành lập đặc khu kinh tế và đặc quyền kinh tế liên quan đến khoản 6,7 và 8 của điều này;
5. Gia hạn nhượng quyền lập đặc khu kinh tế và đặc quyền kinh tế;
6. Các hoạt động liên quan đến việc chuyển đổi rừng phòng hộ quốc gia, rừng bảo tồn quốc gia, rừng sản xuất và rừng phòng hộ tỉnh, rừng bảo tồn tỉnh;

7. Các hoạt động liên quan đến việc chuyển đổi đường nước tự nhiên trong lưu vực lớn, di chuyển dân từ 500 hộ gia đình trở lên, việc nhượng quyền đất từ 10 nghìn héc ta trở lên và các hoạt động khác có thể gây tác động đến môi trường thiên nhiên và xã hội theo quy định trong luật liên quan;

8. Các dự án cần có chính sách ưu đãi đặc biệt.

Ngoài các dự án trong điều này thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

### **Điều 50 (Sửa đổi) Quyền phê duyệt của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền phê duyệt các dự án đầu tư như sau:

1. Chuyển đổi đất rừng phòng hộ, rừng bảo tồn cấp bản, rừng bị suy thoái không có khả năng tự phục hồi và đất rừng bị chặt phá theo quy định của luật lâm nghiệp do ban quản lý cấp tỉnh đề xuất;

2. Các hoạt động liên quan đến việc chuyển đổi đường nước tự nhiên trong lưu vực nhỏ, di chuyển dân từ 100 hộ gia đình trở xuống, và các hoạt động khác có thể gây tác động đến môi trường thiên nhiên và xã hội theo quy định trong luật liên quan;

3. Thuê hoặc nhượng quyền đất rừng bị suy thoái mà không có khả năng tự phục hồi theo đề xuất của Ủy ban quản lý cấp tỉnh theo quy định trong luật liên quan;

Đối với các lĩnh vực hoạt động liên quan đến việc nhượng quyền đất, điện năng và khoáng sản được thực hiện theo quy định của luật và văn bản quy phạm có liên quan.

## **CHƯƠNG 6**

### **VỐN ĐĂNG KÝ VÀ NHẬP KHẨU VỐN VÀO ĐẦU TƯ**

#### **Điều 51: Vốn đăng ký kinh doanh**

Vốn đăng ký của các hoạt động kinh doanh thực hiện theo luật doanh nghiệp và các luật liên quan.

#### **Điều 52 (sửa đổi): Vốn đăng ký kinh doanh trong hoạt động kinh doanh nhượng quyền**

Dự án đầu tư trong hoạt động kinh doanh nhượng quyền phải có vốn điều lệ như sau:

1. Dự án đầu tư có giá trị dưới 50,000,000 (năm mươi triệu) đô la Mỹ, vốn điều lệ phải không thấp hơn 30% (ba mươi phần trăm) của tổng vốn đầu tư;

2. Dự án đầu tư có giá trị từ 50,000,000 (năm mươi triệu) đến 100,000,000 (một trăm triệu) đô la Mỹ, vốn điều lệ phải không thấp hơn 20% (hai mươi phần trăm) của tổng vốn đầu tư, nhưng không thấp hơn 15,000,000 (mười lăm triệu) đô la Mỹ;

3. Dự án đầu tư có giá trị hơn 100,000,000 (một trăm triệu) đến 500,000,000 (năm trăm triệu) đô la Mỹ, vốn điều lệ phải không thấp hơn 5% (năm phần trăm) của tổng vốn đầu tư, nhưng không thấp hơn 20,000,000 (hai mươi triệu) đô la Mỹ;

4. Dự án đầu tư có giá trị hơn 500,000,000 (một trăm triệu) đô la Mỹ trở lên, vốn điều lệ phải không thấp hơn 2% (hai phần trăm) của tổng vốn đầu tư, nhưng không thấp hơn 25,000,000 (hai mươi lăm triệu) đô la Mỹ;

Vốn điều lệ trong hoạt động kinh doanh nhượng quyền phải quy định rõ ràng bằng tài sản, trong quá trình hoạt động kinh doanh, giá trị tài sản không thấp hơn vốn điều lệ.

**Điều 53 (sửa đổi): Nhập khẩu vốn vào hoạt động kinh doanh**

Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các hoạt động kinh doanh phải chuyển vốn vào ít nhất 30% (ba mươi phần trăm) của vốn điều lệ trong thời hạn chín mươi 90 ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư, vốn còn lại phải chuyển vào trong vòng một năm, ngoại trừ luật liên quan có quy định khác.

Vốn có thể được nhập khẩu bằng tiền mặt hoặc hiện vật theo quy định pháp luật, mỗi lần nhập khẩu vốn phải mang theo chứng từ để ngân hàng CHDCND Lào xác nhận.

**Điều 54 (sửa đổi): Nhập khẩu vốn đầu tư để hoạt động kinh doanh nhượng quyền**

Nhà đầu tư đầu tư vào hoạt động kinh doanh nhượng quyền phải đưa vốn đăng ký vào trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực theo mức tối thiểu sau đây:

1. Ba phần trăm (3%) vốn đăng ký đối với các dự án có giá trị đầu tư dưới 50,000,000 (năm mươi) triệu đô la Mỹ;
2. Hai phần trăm (2%) vốn đăng ký đối với các dự án có giá trị đầu tư từ 50,000,000 (năm mươi) triệu đến 100,000,000 (một trăm) triệu đô la Mỹ;
3. Một phẩy năm phần trăm (1,5%) vốn đăng ký đối với các dự án có giá trị đầu tư trên 100,000,000 (một trăm) triệu đến 500,000,000 (năm trăm) triệu đô la Mỹ;
4. Một phần trăm (1%) vốn đăng ký đối với các dự án có giá trị đầu tư trên 500,000,000 (năm trăm) triệu đô la Mỹ;

Vốn còn lại phải nhập khẩu trong vòng 02 năm, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Vốn có thể được nhập khẩu bằng tiền mặt hoặc hiện vật theo quy định pháp luật, mỗi lần nhập khẩu vốn phải mang theo chứng từ để ngân hàng CHDCND Lào xác nhận.

## **CHƯƠNG 7**

### **VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

**Điều 55 (sửa đổi): Văn phòng đại diện của pháp nhân nước ngoài**

Văn phòng đại diện của pháp nhân nước ngoài là văn phòng liên lạc thay mặt cho công ty mẹ trong việc nghiên cứu, khảo sát về cơ hội đầu tư, giám sát các dự án mà công ty mẹ đã ký hợp đồng với Nhà nước, giám sát hoạt động kinh doanh, đầu tư, thương mại và dịch vụ của công ty mẹ và phối hợp với các sở ban ngành liên quan của nhà nước hoặc tư nhân tại CHDCND Lào.

**Điều 56 (sửa đổi): Thủ tục xin thành lập văn phòng đại diện**

Pháp nhân nước ngoài có mục đích thành lập Văn phòng đại diện tại CHDCND Lào phải nộp đơn cho Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa để xem xét và cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của pháp nhân.

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện là tài liệu thừa nhận quyền hợp pháp theo pháp luật có thể hoạt động theo vai trò, quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo quy định tại điều 55 của luật này nhưng không được phép hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc thành lập, quyền và nhiệm vụ, thời hạn và vốn của Văn phòng đại diện được quy định riêng.

## **PHẦN IV**

### **CÁC ĐẶC KHU KINH TẾ VÀ VÙNG ĐẶC QUYỀN KINH TẾ**

#### **Điều 57 (Sửa đổi): Đặc khu kinh tế**

Đặc khu kinh tế là khu vực đầu tư trên lãnh thổ của CHDCND Lào có cơ quản lý điều hành việc đầu tư và chính sách khuyến khích riêng được thành lập bởi quyết định của Chính phủ.

Đặc khu kinh tế gồm có khu công nghiệp, khu phát triển công nghệ kỹ thuật và thông tin, khu Logistic, khu dịch vụ, thương mại, du lịch... theo quyết định của chính phủ.

Đặc khu kinh tế tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư sử dụng công nghệ cao trong sản xuất nông sản, sản xuất sạch, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và năng lượng để phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.

Đặc khu kinh tế được viết tắt là “ĐKT” tiếng Anh Special Economic Zone viết tắt “SEZ”.

#### **Điều 58 (sửa đổi): Thành lập đặc khu kinh tế**

Chính phủ quyết định thành lập đặc khu kinh tế theo sự nghiên cứu đề nghị của Bộ kế hoạch và đầu tư do kết hợp với Bộ và Chính quyền địa phương liên quan và được chấp thuận của Quốc hội theo quy định tại khoản 4 điều 49.

#### **Điều 59 (Sửa đổi): Điều kiện thành lập đặc khu kinh tế**

Việc thành lập đặc khu kinh tế có các điều kiện như sau:

1. Nêu rõ mục đích của đặc khu kinh tế;
2. Vị trí vị phù hợp với mục đích, quy định diện tích và ranh giới rõ ràng;
3. Quy định thời hạn nhượng quyền;
4. Quy định lợi ích của Chính phủ, nhà đầu tư và dân;
5. Qua đánh giá về kinh tế - kỹ thuật và môi trường – xã hội;
6. Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, kế hoạch quy hoạch đất đai quốc gia và kế hoạch chiến lược phát triển đặc khu kinh tế;
7. Đảm bảo việc quản lý điều hành kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòn, an toàn trong xã hội;

8.Chuyển vốn vào đầy đủ theo quy định tại điều 54 của luật này;

9.Đảm bảo việc phát triển bền vững, khuyến khích và bảo tồn văn hoá của quốc gia.

**Điều 60 (sửa đổi): Cơ quan quản lý đặc khu kinh tế**

Chính phủ quản lý đặc khu kinh tế một cách tập trung và thống nhất trên toàn quốc bằng cách giao cho Bộ, cơ quan và chính quyền địa phương quản lý theo luật liên quan.

Cơ quan quản lý đặc khu kinh tế gồm:

1. Phòng khuyến khích và quản lý đặc khu kinh tế cấp Trung ương;
- 2.Ủy ban quản lý khu vực hoặc cơ quan quản lý khu vực cấp tỉnh;
- 3.Đơn vị dịch vụ đầu tư một cửa tại đặc khu kinh tế.

Việc tổ chức và quản lý đặc khu kinh tế quy định trong luật liên quan.

**Điều 61 (mới): Vùng đặc quyền kinh tế**

Vùng đặc quyền kinh tế là vùng đầu tư được thành lập do Chính phủ thành lập ngoài đặc khu kinh tế để hoạt động kinh doanh trong một ngành nghề nào đó như: khu công nghiệp, khu công nghệ kỹ thuật cao.

Việc thành lập và quản lý vùng đặc quyền kinh tế tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan.

**Điều 62 (sửa đổi): Thời hạn nhượng quyền đất để phát triển đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế**

Thời hạn nhượng quyền đất để phát triển đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế căn cứ theo loại hình, quy mô, giá trị đầu tư, điều kiện, Bản luận chứng kinh tế - kỹ thuật của ngành nghề kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan nhưng không quá năm mươi năm.

Thời hạn nhượng quyền để phát triển đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế có thể gia hạn do căn cứ vào việc đánh giá với sự chấp thuận của Quốc hội theo yêu cầu của Chính phủ với điều kiện là nhà đầu tư đã thực hiện hợp đồng nhượng quyền có hiệu quả và mang lại lợi ích cho Chính phủ và xã hội.

Sau khi kết thúc hợp đồng hai bên phải tiến hành thanh lý tài sản dự án và chuyển giao quyền sử dụng đất cùng toàn bộ công trình xây dựng, cơ sở hạ tầng thuộc dự án cho Chính phủ sở hữu và điều hành chính thức, việc thanh lý và chuyển giao phải hoàn thành trong vòng 12 tháng trước hết hạn hợp đồng.

**Điều 63: Đề nghị đầu tư trong đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế**

Cá nhân hoặc pháp nhân trong và ngoài nước có ý định đầu tư trong đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế phải nộp hồ sơ xin phép đầu tư gửi để Ủy ban quản lý khu vực thông qua đơn vị dịch vụ đầu tư một cửa tại đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế đó để xem xét theo cơ chế dịch vụ một cửa.

Đối với đầu tư có ý định đầu tư vào một ngành nghề nào đó trong trong đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế ngoài các ngành nghề quy định trong hợp đồng phát triển thì phải thành lập pháp nhân mới.

**Điều 64 (mới): Chính sách khuyến khích đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế**

Ngoài chính sách khuyến khích như quy định tại Phần II của luật này đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế sẽ được hưởng chính sách khuyến khích như sau:

1. Nhà phát triển sẽ được hưởng chính sách miễn thuế lợi tức thêm 6 năm với tổng cộng 16 năm nếu đầu tư vào khu 1 và chính sách miễn thuế lợi tức thêm 4 năm trong tổng cộng 8 năm nếu đầu tư vào khu 2. Đối với nhà đầu tư trong đặc khu kinh tế hoặc vùng đặc quyền kinh tế sẽ được hưởng chính sách miễn thuế lợi tức thêm 2 năm theo chính sách xác định theo vùng và theo ngành quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 11 của Luật này, trừ các lĩnh vực quy định tại Khoản 9 Điều 9 của luật này;

2. Nhà đầu tư trong Đặc khu kinh tế hoặc Vùng đặc quyền kinh tế được hưởng chính sách về tiền thuê đất theo hợp đồng và các quy định liên quan, được quyền sử dụng đất đã thuê và có thể cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhà đầu tư khác theo thời hạn của hợp đồng đã nhượng quyền có xác nhận của Ban quản lý khu kinh tế;

3. Nhà phát triển và nhà đầu tư nước ngoài tại đặc khu kinh tế hoặc vùng đặc quyền kinh tế cùng với thành viên gia đình được tạo điều kiện trong việc đăng ký, cấp giấy phép cư trú và thị thực kinh doanh xuất – nhập cảnh nhiều lần, mỗi lần không quá mười năm. Người nước ngoài sở hữu bất động sản tại đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế cùng với thành viên gia đình có thanh toán thực tế tương đương một trăm nghìn đô la Mỹ trở lên sẽ được hưởng chính sách thị thực xuất – nhập cảnh nhiều lần lần đầu 10 năm và có thể gia hạn.

Đối với các khu công nghiệp, khu công nghệ cao mà Chính phủ mong muốn thúc đẩy đặc biệt bằng việc đưa ra các chính sách cao hơn như quy định tại Luật này và các luật khác có liên quan như chính sách thuế, phát triển cơ sở hạ tầng, tạo nguồn năng lượng tự sử dụng, nguồn nước, nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường, giải quyết chất thải và tái sử dụng các phế liệu trong nước, Chính phủ nghiên cứu thành một văn bản luật cụ thể để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét.

## **PHẦN V**

### **ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

#### **Điều 65 (sửa đổi): Thủ tục xin đầu tư ra nước ngoài**

Nhà đầu tư tại CHDCND Lào có ý định đầu tư ra nước ngoài nộp đơn cho Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa để xem xét cấp phép.

#### **Điều 66 (sửa đổi): Điều kiện đầu tư ra nước ngoài**

Nhà đầu tư tại CHDCND Lào đầu tư ra nước ngoài phải có các điều kiện sau:

1. Có mục tiêu đầu tư ở nước ngoài.
2. Có báo cáo tài chính trong hai năm tài chính vừa qua có chứng nhận của cơ quan tài chính hoặc công ty kiểm toán độc lập;
3. Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với chính phủ Lào;
4. Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Quốc gia Lào, luật và quy định liên quan khác của CHDCND Lào.

#### **Điều 67 (sửa đổi): Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trong nước đầu tư ra nước ngoài**

Nhà đầu tư tại CHDCND Lào đầu tư ra nước ngoài có các quyền sau đây:

1. Mang tiền và tài sản để đầu tư ra nước ngoài đưa về nước sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo luật pháp và quy định của nước sở tại.

2. Mang lợi nhuận và các khoản thu nhập khác phát sinh từ hoạt động kinh doanh của mình tại nước sở tại về nước.

3. Được tạo điều kiện thuận lợi và chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật Lào.

4. Sử dụng lao động Lào trong doanh nghiệp của mình ở nước ngoài mà phù hợp với pháp luật và các quy định của Lào và nước sở tại.

Nhà đầu tư trong nước đầu tư ra nước ngoài có các nghĩa vụ như sau:

1. Tuân theo luật pháp và quy định của nước sở tại.

2. Báo cáo tài chính và hoạt động kinh doanh của mình cho Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa để báo cho Bộ Tài chính và Ngân hàng Quốc gia Lào.

Sau khi kết thúc đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư có thể đưa vốn và tài sản về nước theo quy định của pháp luật.

## **PHẦN VI**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

#### **CHƯƠNG 1**

#### **QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 68: (Sửa đổi) Quyền của nhà đầu tư**

Nhà đầu tư có quyền như sau:

1. Đề nghị đầu tư vào tất cả các lĩnh vực và khu vực đầu tư mà pháp luật của nước CHDCND Lào không cấm;

2. Đề nghị đầu tư theo loại, hình thức và mô hình doanh nghiệp theo quy định pháp luật;

3. Đề nghị nhượng quyền dự án với Chính phủ hoặc Ủy ban quản lý cấp tỉnh theo từng trường hợp để phát triển dự án;

4. Đề nghị nhượng quyền với Chính phủ để thành lập đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế;

5. Đề nghị thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại CHDCND Lào;

6. Kiến nghị thay đổi mục đích hoặc lĩnh vực đầu tư trong trường hợp hoạt động kinh doanh không có hiệu quả do bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi chính sách của Nhà nước và các quy định pháp luật;

7. Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp từ hoạt động đầu tư;

8. Được Nhà nước tạo thuận lợi về nhiều mặt trong hoạt động đầu tư;

9. Nhận các khoản lợi ích từ thuê đất, nhượng quyền đất phù hợp với quy định của pháp luật của CHDCND Lào;

10. Bên thuê đất hoặc bên nhượng quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất theo thời hạn hợp đồng thuê và nhượng quyền, chuyển giao quyền sử dụng đất theo thời hạn hợp đồng, theo quy định pháp luật trên cơ sở đồng ý của cơ quan cấp phép;

11. Làm chủ sở hữu các tài sản của mình bao gồm nhà cửa, cơ sở vật chất và các công trình khác trên đất thuê hoặc nhượng quyền, có quyền chuyển giao quyền sở hữu cho người trong nước hoặc người nước ngoài theo quy định pháp luật;

12. Giao dịch tài khoản mở tại các ngân hàng tại Lào cho phù hợp theo quy định pháp luật;

13. Gửi khiếu nại đến các cơ quan, tổ chức có liên quan trong trường hợp cảm thấy bất lợi trong việc đầu tư;

14. Được hưởng các quyền khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 69 : Quyền quản trị kinh doanh đầu tư**

Quyền quản trị kinh doanh đầu tư như sau:

1. Xây dựng kế hoạch đầu tư;
2. Mua, sử dụng nguyên liệu, thiết bị, phương tiện, máy móc, công nghệ phục vụ hoạt động đầu tư;
3. Tiếp cận thị trường **trong** và ngoài nước;
4. Quản lý lực lượng lao động bảo đảm trật tự, an toàn, thuận tiện cho hoạt động kinh doanh;
5. Tiến hành các cuộc họp thảo luận các vấn đề liên quan đến đầu tư;
6. Giao hoặc chuyển nhượng cổ phần cho người khác;
7. Giảm hoặc tăng vốn đầu tư;
8. Đề nghị cơ quan hữu quan xem xét việc sáp nhập, đình chỉ, giải thể, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp;
9. Thực hiện các quyền khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 70 (sửa đổi): Quyền sử dụng lao động**

Quyền sử dụng lao động như sau:

1. Ký hợp đồng thuê lao động, kỹ thuật viên và chuyên gia làm việc cho doanh nghiệp;
2. Nhập khẩu lao động theo quy định trong luật lao động. trường hợp vượt quá côta nhà đầu tư có quyền đề nghị Bộ Lao động và phúc lợi xã hội xem xét theo phù hợp trên cơ sở phối hợp với các bộ liên quan;
3. Bố trí, sắp xếp lao động cho các vị trí công việc khác nhau theo nhu cầu của doanh nghiệp;
4. Thực hiện các chính sách và biện pháp đối với người lao động theo quy định pháp luật;
5. Thực hiện các quyền khác theo luật và quy định của Lào.

#### **Điều 71: Quyền của nhà đầu tư nước ngoài cư trú tại Lào**

Nhà đầu tư nước ngoài và gia đình họ có quyền cư trú tại CHDCND Lào theo các thời gian đầu tư. Kỹ thuật viên và chuyên gia nước ngoài có quyền cư trú tại CHDCND Lào theo hợp đồng lao động.

#### **Điều 72: Quyền Nhà đầu tư nước ngoài trong việc chuyển vốn, tài sản và thu nhập ra nước ngoài**

Nhà đầu tư nước ngoài có quyền chuyển vốn, tài sản và thu nhập như lợi nhuận từ việc đầu tư, tiền mặt và tài sản cá nhân hoặc tài sản của doanh nghiệp ra nước ngoài thông qua các ngân hàng tại CHDCND Lào và cơ quan chức năng sau khi đã thanh toán đầy đủ các khoản thuế, lệ phí theo quy định luật pháp của CHDCND Lào.



Việc chuyển tài sản là vốn và/ hoặc tiền gồm có:

1. Vốn được xác nhận bởi Ngân hàng Quốc gia Lào;
2. Lợi nhuận, cổ tức, tiền bản quyền đối với bản quyền trí tuệ, dịch vụ kỹ thuật, lãi xuất và các khoản thu nhập khác phát sinh từ việc đầu tư;
3. Số tiền được từ việc bán doanh nghiệp, giải thể toàn bộ hoặc một phần kinh doanh;
4. Số tiền được từ việc thanh toán hợp đồng bao gồm hợp đồng vay, được từ quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định của Tòa án mà có liên quan hoặc không liên quan đến việc đầu tư;
5. Số tiền bồi thường hoặc các khoản thu khác nhận được trước khi bị tịch thu theo phán quyết của tòa án hoặc chuyển đổi thành tài sản của Chính phủ;
6. Thu nhập và thù lao của nhân viên nước ngoài được tuyển dụng.

## **CHƯƠNG 2**

### **NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 73 (sửa đổi): Nghĩa vụ về kinh tế**

Nhà đầu tư có các nghĩa vụ kinh tế như sau:

1. Nộp phí thuê hoặc phí nhượng quyền đất, phí tài nguyên thiên nhiên, các loại thuế, lệ phí và phí dịch vụ đầu đủ và kịp thời theo quy định pháp luật;
2. Mang tài khoản theo luật kế toán của Lào, trong trường hợp cần thiết, có thể sử dụng hệ thống kế toán quốc tế nhưng phải được sự đồng ý của cơ quan tài chính của Lào;
3. Mở tài khoản với ngân hàng kinh doanh tại Lào và sử dụng tiền trong tài khoản trên cho phù hợp với quy định pháp luật;
4. Hợp tác và phối hợp tốt với các sở ban ngành và chính quyền địa phương trong hoạt động kinh doanh và thành lập văn phòng phối hợp tại địa phương nơi dự án đặt tại đối với dự án nhượng quyền;
5. Thúc đẩy việc sử dụng lao động Lào, đặc biệt là phụ nữ và người dân tộc; quan tâm triển khai kỹ năng lao động, nâng cao trình độ chuyên môn và chuyển giao công nghệ cho lao động Lào;
6. Hợp tác trong việc đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của đối tác, góp vốn để hỗ trợ công tác quản lý, giám sát, kiểm tra dự án đầu tư;
7. Báo cáo tài chính trong giai đoạn và sau giai đoạn miễn thuế lợi nhuận cho phòng tài chính theo quy định pháp luật;
8. Tổng kết, báo cáo hoạt động kinh doanh hàng 3 tháng, 6 tháng và 1 năm cho phòng dịch vụ đầu tư một cửa và các ngành liên quan;
9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 74 (sửa đổi): Nghĩa vụ xã hội**

Nhà đầu tư có các nghĩa vụ xã hội như sau:

1. Thực hiện chế độ bảo hiểm, an sinh xã hội cho người lao động trong doanh nghiệp quy định pháp luật;

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và hoạt động của các tổ chức đoàn thể doanh nghiệp của mình, đặc biệt là thành lập công đoàn cơ sở;
3. Tôn trọng truyền thống, phong tục tập quán và văn hoá địa phương;
4. Bồi thường cho những người bị ảnh hưởng bởi hoạt động kinh doanh của mình;
5. Góp phần thúc đẩy, khuyến khích kinh doanh trong nước, xoá đói giảm nghèo cho dân địa phương và phát triển địa phương nơi dự án đầu tư;
6. Đóng góp ngân sách cho công tác phát triển xã hội theo hợp đồng và luật pháp;
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định.

**Điều 75 (sửa đổi): Nghĩa vụ môi trường**

Nhà đầu tư có các nghĩa vụ môi trường như sau:

1. Thực hiện nghiêm các nghĩa vụ môi trường, Hiệp ước mà CHDCND Lào là thành viên hoặc hợp đồng quốc tế liên quan, thúc đẩy sự phát triển và tăng trưởng theo hướng;
2. Thực hiện các biện pháp cần thiết, trong trường hợp phát sinh vấn đề môi trường, để khắc phục kịp thời theo quy định pháp luật;
3. Hợp tác trong việc đánh giá tác động môi trường và xã hội hàng năm theo kế hoạch quy định và đóng góp ngân sách cho công tác môi trường.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**PHẦN VII**

**VĂN PHÒNG DỊCH VỤ ĐẦU TƯ MỘT CỬA**

**Điều 76 (Sửa đổi): Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa**

Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa là tổ chức nhà nước thành lập lên để tạo thuận lợi và cấp dịch vụ trong việc đầu tư tại CHDCND Lào. Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa viết tắt là “VDM”

Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa gồm có hai cấp là:

1. Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp Trung ương viết tắt là "VDM.TW".
2. Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp tỉnh viết tắt là “VPM.T”

Tổ chức và hoạt động của Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp Trung ương và cấp tỉnh được quy định riêng.

**Điều 77 (sửa đổi): Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp Trung ương**

Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp Trung ương do Cục khuyến khích đầu tư là trung tâm phối hợp với các ủy ban phối hợp dịch vụ đầu tư một cửa của các Bộ, cơ quan liên quan như: đại diện Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Năng lượng và Khoáng sản, Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp, Bộ Lao động và phúc lợi xã hội, Bộ Công chính và vận tải, Bộ Văn hoá thông tin và du lịch, Bộ An ninh, các bộ khác và cơ quan ngang bộ.

Các Bộ, cơ quan ngang bộ có nhiệm vụ thành lập Ủy ban phối hợp dịch vụ đầu tư một cửa tại cơ quan của mình;

**Điều 78 (sửa đổi): Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp tỉnh**

Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa cấp tỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh làm trung tâm phối hợp với Ủy ban dịch vụ đầu tư một cửa của các sở liên quan cấp tỉnh gồm có đại diện Sở Công thương, Sở Tài chính, Sở Năng lượng và khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông và Lâm nghiệp, Sở Lao động và Phúc lợi Xã hội, Sở Công chính và vận tải, Sở Văn hoá Thông tin và Du lịch, Sở An ninh.

Các sở cấp tỉnh có nhiệm vụ thành lập Ủy ban phối hợp dịch vụ đầu tư một cửa tại sở của mình.

**Điều 79 (sửa đổi): Nguyên tắc dịch vụ đầu tư một cửa**

Các nguyên tắc dịch vụ đầu tư một cửa như sau:

1. Là trung tâm dịch vụ đầu tư cho các nhà đầu tư mà đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh tổng hợp, nhượng quyền, kể cả phát triển các đặc khu kinh tế hoặc vùng đặc quyền kinh tế theo hướng đơn giản, nhanh chóng, minh bạch, kịp thời.
2. Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan trên cơ sở thực hiện theo quy định của các cơ quan có liên quan;
3. Tập trung thu thập số liệu, theo dõi việc thực hiện và đánh giá kết quả của tình hình đầu tư và các dự án đầu tư tư nhân.

**Điều 80 (sửa đổi): Quyền và nghĩa vụ của Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa**

Văn phòng dịch vụ đầu tư một cửa có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Hướng dẫn về mặt pháp lý cho nhà đầu tư về các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư;
2. Nhận đơn xin phép đầu tư vào lĩnh vực có kiểm soát, nhượng quyền;
3. Gửi đơn đăng ký để xin ý kiến của các sở ban ngành và địa phương liên quan;
4. Kiểm tra đơn đề nghị của Nhà đầu tư để kiến nghị lên Bộ kế hoạch và đầu tư hoặc Ủy ban quản lý cấp tỉnh xem xét quyết định;
5. Phối hợp với các ban ngành và Chính quyền địa phương để cấp giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy phép kinh doanh và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật khi được Ủy ban khuyến khích và quản lý đầu tư cho phép;
6. Tạo thuận lợi về mặt tài liệu, cung cấp thông tin liên quan đến đầu tư cho các nhà đầu tư thông qua việc phối hợp với các cơ quan có liên quan;
7. Hướng dẫn và tư vấn về việc hoàn thiện các mẫu chuẩn và các tài liệu khác có liên quan đến vấn đề đầu tư;
8. Tiếp nhận và kiểm tra yêu cầu sửa đổi hợp đồng nhượng quyền, giấy phép đầu tư, sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có sự tăng, giảm các lĩnh vực thuộc danh mục đầu tư có kiểm soát;
9. Nhận và nghiên cứu về việc xin thành lập văn phòng đại diện của pháp nhân nước ngoài;

10. Tiếp nhận và nghiên cứu về việc xin đầu tư ra nước ngoài của pháp nhân trong nước;
11. Tiếp nhận và nghiên cứu về việc xin giấy khuyến khích đầu tư và kế hoạch nhập khẩu của nhà đầu tư;
12. Tiếp nhận và dịch vụ xin thị thực, thẻ lao động và giấy phép tạm trú của nhà đầu tư nước ngoài và gia đình, chuyên viên và lao động nước ngoài;
13. Nhận khiếu nại, đề nghị về tranh chấp của nhà đầu tư và phối hợp với ngành, địa phương quan giải quyết các vấn đề trên;
14. Cung cấp hỗ trợ ban đầu trong việc giải quyết vấn đề hoặc yêu cầu có liên quan tới hoạt động đầu tư với sự phối hợp với các ngành liên quan và chính quyền địa phương;
15. Cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến đầu tư cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật;
16. Theo dõi, kiểm tra hoạt động đầu tư và báo cáo Bộ kế hoạch và đầu tư hoặc ủy ban quản lý cấp tỉnh theo trách nhiệm trong từng giai đoạn;
17. Thu lệ phí và phí dịch vụ theo quy định;
18. Thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật hoặc theo được giao phó.

## **PHẦN VIII**

### **ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

**Điều 81 (sửa đổi): Đình chỉ hoạt động đầu tư**

Hoạt động dự án đầu tư sẽ bị đình chỉ hoạt động như sau:

1. Cơ quan cấp phép đầu tư hoặc cấp phép hoạt động kinh doanh có thể đình chỉ hoạt động dự án theo các trường hợp sau:

1.1. Theo đề nghị của các sở ban ngành hoặc chính quyền địa phương bởi vì nhà đầu tư không thực hiện theo mục tiêu đầu tư hoặc hoạt động kinh doanh không phù hợp theo hợp đồng và vi phạm các luật liên quan, cơ quan cấp phép đầu tư sẽ thông báo nhắc nhở bằng văn bản có thời gian quy định để nhà đầu tư giải quyết hoặc cải thiện cho phù hợp. Trường hợp không thể giải quyết được theo thời gian đầu tư trên thì sẽ bị đình chỉ;

1.2. Theo đề nghị của nhà đầu tư cơ quan cấp phép đầu tư phải phối hợp với các sở ban ngành liên quan để kiểm tra đánh giá trước khi xem xét đình chỉ.

2. Chính quyền địa phương có thể đình chỉ hoạt động toàn bộ dự án hoặc một phần nào đó mà gây tác động đến môi trường thiên nhiên và xã hội bằng cách phối hợp với các cơ quan liên quan cấp Trung ương.

**Điều 82 (sửa đổi): Nguyên nhân Hủy bỏ đầu tư**

Việc đầu tư sẽ bị hủy trong trường hợp sau:

1. Theo đề nghị của chủ đầu tư hoặc một bên đối tác trường hợp vi phạm điều khoản của một bên theo quy định trong hợp đồng hoặc luật liên quan;

2. Không thể giải quyết theo thời gian quy định trong thông báo đình chỉ như quy định trong điều 81 của luật này;

3. Không nộp thuế và các nghĩa vụ thuế theo luật liên quan;

4. Có quyết định của tòa án cho hủy bỏ việc đầu tư;

5. Bị phá sản theo pháp luật.

Trường hợp hủy bỏ đầu tư nhà đầu không thể thoát khỏi nghĩa vụ và khoản nợ đối với cá nhân, pháp nhân và Chính phủ.

**Điều 83 (sửa đổi): Hủy bỏ việc đầu tư**

Việc hủy bỏ đầu tư thực hiện như sau:

1. Cơ quan cấp phép đầu tư ra thông báo hủy bỏ việc đầu tư;
2. Sau khi nhận được thông báo hủy bỏ việc đầu tư nhà đầu tư phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và trả đầy đủ các khoản nợ cho các chủ nợ.

**Điều 84 (Sửa đổi): Chấm dứt việc đầu tư**

Việc đầu tư sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Không nộp đơn xin gai hạn trước ngày hết hạn quy định trong biên bản hoặc hợp đồng phá triển dự án hoặc hợp đồng nhượng quyền không cần thiết phải có thông báo nhắc nhở của Chính phủ;
2. Hết thời hạn đầu tư theo quy định tại Giấy phép đầu tư hoặc dự án đầu tư đã hoàn thành;
3. Giấy phép đầu tư bị thu hồi hoặc chấm dứt đầu tư theo quy định tại Điều 83 của Luật này;
4. Giải thể doanh nghiệp được tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
5. Việc hủy bỏ theo đề nghị của nhà đầu tư hoặc đối tác có xác nhận của các cơ quan liên quan.
6. Có quyết định của Toà án yêu cầu giải thể doanh nghiệp hoặc hủy bỏ hoạt động đầu tư.

**Điều 85 (mới) Giải quyết tranh chấp**

Việc giải quyết tranh chấp về đầu tư thực hiện theo luật giải quyết tranh chấp kinh tế, luật và văn bản pháp lý liên quan có hiệu lực từng thời điểm.

**PHẦN IX  
CÁC ĐIỀU CẤM**

**Điều 86: Các điều cấm**

Cấm cá nhân, pháp nhân và tổ chức có những hành vi như sau:

1. Cho phép tiến hành kinh doanh các lĩnh vực cấm hoặc bất hợp pháp và các quy định liên quan.
2. Cản trở việc khuyến khích đầu tư tại CHDCND Lào dưới mọi hình thức;
3. Có hành vi vi phạm quy định pháp luật liên quan.

**Điều 87 (sửa đổi): Các điều cấm đối với nhà đầu tư**

Cấm Nhà đầu tư có hành vi như sau:

1. Đưa hối lộ cho cán bộ, nhân viên nhà nước, những người chịu trách nhiệm về các công tác liên quan;

2. Đồng tình với cán bộ, nhân viên nhà nước để có được lợi ích bất hợp pháp;
3. Nhà đầu tư nước ngoài cấm mua bán đất, **cho** thuê tiếp không phù hợp với mục tiêu của hợp đồng;
4. Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ, che giấu thu nhập, lợi nhuận và che giấu bất kỳ vi phạm nào liên quan đến thuế;
5. Kéo dài thời gian trong việc phát triển dự án hoặc trì hoãn dự án nhưng không phát triển dự án theo kế hoạch;
6. Vu khống, làm mất uy tín của các cơ quan và cán bộ nhà nước;
7. Có hành vi hoặc hoạt động gây ảnh hưởng đến xã hội, môi trường, phong tục tập quán, văn hoá dân tộc, an ninh và trật tự an toàn xã hội và quốc gia;
8. Có hành vi vi phạm quy định pháp luật.

#### **Điều 88 (sửa đổi): Các điều cấm đối với cán bộ nhà nước**

Cấm cán bộ nhà nước có các hành vi như sau:

1. Không thực hiện nhiệm vụ, lạm dụng quyền lực, nhiệm vụ và chức vụ nhằm mục đích thu lợi cá nhân, gia đình và đồng bọn;
2. Đồng tình hoặc tạo thuận lợi cho nhà đầu tư để có được lợi ích bất hợp pháp;
3. Nhận hối lộ của các nhà đầu tư hoặc bất kỳ người nào để có lợi ích từ việc đầu tư;
4. Tiết lộ tài liệu bí mật của quốc gia, chính phủ và nhà đầu tư;
5. Kéo dài việc xem xét các tài liệu hoặc giữ tài liệu của nhà đầu tư;
6. Có hành vi vi phạm quy định pháp luật.

### **PHẦN X**

## **QUẢN LÝ VÀ KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**

### **CHƯƠNG I**

## **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**

#### **Điều 89 (sửa đổi): Các cơ quan quản lý công tác khuyến khích đầu tư**

Chính phủ quản lý công tác khuyến khích đầu tư theo phương thức tập trung và thống nhất trong toàn quốc, giao cho Ngành kế hoạch và đầu tư chịu trách nhiệm trực tiếp và phối hợp với các ban ngành có liên quan ngành công thương, tài chính... và chính quyền địa phương có liên quan.

Cơ quan quản lý công tác khuyến khích đầu tư gồm có:

1. Ngành kế hoạch và đầu tư;
2. Ngành công thương;
3. Ngành tài chính.
4. Ủy ban chính quyền tỉnh;

#### **Điều 90 (mới): Quyền và nhiệm vụ của cơ quan kế hoạch và đầu tư**

Trong quản lý công tác khuyến khích đầu tư, ngành kế hoạch và đầu tư có quyền và nghĩa vụ theo sự phân cấp quản lý như **sau**:

1. Nghiên cứu, xây dựng chính sách, luật pháp, chiến lược, danh sách kêu gọi đầu tư và quy định về khuyến khích và quản lý đầu tư tại CHDCND Lào và đầu tư ra nước ngoài;
2. Công khai các chính sách, pháp luật, chiến lược và quy định về khuyến khích và quản lý đầu tư tại CHDCND Lào và đầu tư ra nước ngoài;
3. Xây dựng và phát hành mẫu liên quan đến hồ sơ đăng ký đầu tư tại CHDCND Lào và đầu tư ra nước ngoài;
4. Là đầu mối phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc nghiên cứu, đàm phán Hợp đồng nhượng quyền và đại diện cho Chính phủ ký kết hợp đồng trên theo sự phân công của Chính phủ;
5. Xem xét và đề nghị đình chỉ, sửa đổi, chấm dứt dự án, **hoạt** động đầu tư không phù hợp với mục tiêu hoặc hoạt động kinh doanh không đúng theo hợp đồng hoặc pháp luật có liên quan;
6. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cung cấp thông tin về các chính sách đầu tư để thu hút đầu tư và đầu tư ra nước ngoài;
7. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và các văn bản pháp lý về khuyến khích đầu tư trên toàn quốc;
8. Thúc đẩy, khuyến khích và phối hợp với các **cơ** quan có liên quan và chính quyền địa phương trong việc đánh giá các dự án, hoạt động và giải quyết các vấn đề phát sinh từ các dự án, các hoạt động đầu tư trên cả nước bao gồm quản lý của các nhà đầu tư trong nước đầu tư ra nước ngoài.
9. Chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dịch vụ đầu tư một cửa một cách nhanh chóng, minh bạch, công bằng và hiệu quả;
10. Xây dựng, đào tạo và nâng cao trình độ cán bộ liên quan đến công tác khuyến khích đầu tư;
11. Phối hợp, hợp tác với nước ngoài về công tác khuyến khích đầu tư;
12. Quản lý công việc liên quan đến đặc khu kinh tế;
13. Xem xét cấp phép đầu tư trong hoạt động có kiểm soát, hoạt động nhượng quyền và đầu tư phát triển đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế;
14. Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác dịch vụ đầu tư một cửa trong việc khuyến khích và thu hút đầu tư hiệu quả;
15. Xem xét thay đổi, đình chỉ hoặc hủy bỏ việc đầu tư trong hoạt động có kiểm soát, hoạt động nhượng quyền và đầu tư phát triển đặc khu kinh tế và vùng đặc quyền kinh tế để xuất khẩu;
16. Xem xét chấp thuận việc xin thành lập văn phòng đại diện của pháp nhân nước ngoài;
17. Xem xét việc đầu tư ra nước ngoài của pháp nhân trong nước;
18. Xem xét cấp giấy khuyến khích đầu tư và chấp thuận kế hoạch nhập khẩu của nhà đầu tư;
19. Thu thập tình trạng góp vốn điều lệ của nhà đầu tư trong hoạt động có kiểm soát và hoạt động nhượng quyền đồng thời trao đổi thông tin với các sở ban ngành liên quan;

20. Phối hợp, hợp tác với nước ngoài, khu vực và quốc tế về công tác khuyến khích đầu tư theo phân công;

21. Là trung tâm phối hợp với các ngành liên quan trong việc nghiên cứu danh sách hoạt động có kiểm soát và hoạt động nhượng quyền để đề xuất chính phủ xem xét;

22. Tổng kết và báo cáo Chính phủ về hoạt động công tác khuyến khích đầu tư;

23. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo luật định.

### **Điều 91 (mới): Quyền và nghĩa vụ của ngành Công Thương**

Ngành công thương có quyền và nhiệm vụ như sau:

1. Nghiên cứu, xây dựng chính sách, luật pháp, chiến lược về công thương liên quan đến khuyến khích đầu tư;

2. Công khai các chính sách, pháp luật, chiến lược, văn bản pháp luật, kế hoạch và dự án của ngành công thương liên quan đến khuyến khích đầu tư;

3. Quản lý tổ chức kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp về việc thành lập, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và giải thể doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

4. Phối hợp với các ngành liên quan và cơ quan chính quyền địa phương để quản lý, giám sát doanh nghiệp;

5. Cung cấp dịch vụ và xem xét cấp, thay đổi nội dung Giấy phép doanh nghiệp và giải thể doanh nghiệp;

6. Thúc đẩy, quản lý và theo dõi việc thực hiện đăng ký doanh nghiệp; Thu thập, bảo vệ và cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp cho cấp trên và công chúng;

7. Khuyến khích, theo dõi, kiểm tra việc nhập khẩu, điều chỉnh và sử dụng vốn của nhà đầu tư vào hoạt động cũng như trao đổi thông tin trên với các ngành liên quan;

8. Đình chỉ việc sử dụng giấy phép doanh nghiệp đối với doanh nghiệp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

9. Xoá bỏ tên doanh nghiệp khỏi Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp quốc gia đối với doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

10. Hủy bỏ hoặc kiến nghị hủy bỏ Giấy phép doanh nghiệp, tổng hợp, báo cáo công việc liên quan đến xúc tiến và quản lý đầu tư theo phạm vi trách nhiệm của mình với Chính phủ;

11. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

### **Điều 92. Quyền và nghĩa vụ của ngành tài chính**

Ngành tài chính có các quyền và nhiệm vụ như sau:

1. Nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật, kế hoạch chiến lược và văn bản pháp lý về lĩnh vực tài chính có liên quan đến khuyến khích đầu tư;

2. Nghiên cứu, góp ý kiến về việc xin cấp giấy phép đầu tư, gia hạn hợp đồng và thay đổi nội dung hợp đồng;

3. Khuyến khích, tư vấn, phổ biến, giám sát việc thực hiện pháp luật và văn bản pháp lý thuộc lĩnh vực tài chính liên quan đến khuyến khích đầu tư cho nhà đầu tư và các bên liên quan;



4. Khuyến khích, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các dự án, hoạt động đầu tư cũng như giám sát, quản lý chính sách thuế, thuế theo quy định của pháp luật;

5. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, tổ chức liên quan và cơ quan chính quyền địa phương giải quyết các vướng mắc phát sinh tại các dự án, hoạt động đầu tư trên phạm vi cả nước;

6. Kiến nghị các bên liên quan tạm dừng, thay đổi, hủy bỏ các dự án, hoạt động đầu tư không phù hợp với mục tiêu đầu tư hoặc hoạt động kinh doanh không đúng hợp đồng, không nộp thuế, thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

7. Phối hợp và hợp tác với nước ngoài, khu vực và quốc tế về công tác tài chính liên quan đến khuyến khích đầu tư tại CHDCND Lào;

8. Thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan;

9. Thường xuyên tổng hợp và báo cáo công tác khuyến khích và quản lý đầu tư lên cấp trên;

10. Thực hiện Quyền và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 93 (Sửa đổi) Quyền và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý cấp tỉnh**

Ủy ban quản lý tỉnh có các quyền và nhiệm vụ như sau:

1. Tổ chức, xây dựng, quảng bá, phổ biến chính sách, pháp luật, chiến lược, quy định về khuyến khích đầu tư;

2. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cung cấp thông tin về chính sách xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư của địa phương;

3. Làm đầu mối phối hợp với các ngành liên quan nghiên cứu, đàm phán các Hợp đồng nhượng quyền và đại diện cấp tỉnh ký kết các hợp đồng theo phân công;

4. Khuyến khích, theo dõi, đánh giá việc thực hiện các dự án, hoạt động bao gồm việc thực hiện pháp luật và quy định về khuyến khích đầu tư;

5. Phối hợp với các ngành tại địa phương quản lý, giải quyết các vướng mắc phát sinh trong các dự án, hoạt động đầu tư trên địa bàn;

6. Xem xét thay đổi, đình chỉ hoặc hủy bỏ đầu tư vào hoạt động kiểm soát, hoạt động tô nhượng ở cấp phê duyệt và xem xét tạm dừng thực hiện các dự án trong hoạt động kiểm soát, hoạt động tô nhượng đã được trung tâm phê duyệt có ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, tự nhiên và xã hội, đề xuất các ngành liên quan ở cấp trung ương xem xét;

7. Điều tra, đề xuất thay đổi, đình chỉ, tăng cường các dự án, hoạt động đầu tư không phù hợp với mục tiêu đầu tư hoặc tiến hành kinh doanh không đúng hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật có liên quan;

8. Tạo điều kiện cho hoạt động dịch vụ đầu tư một cửa được nhanh chóng, minh bạch, công bằng và hiệu quả;

9. Phối hợp, hợp tác với nước ngoài về công tác khuyến khích đầu tư theo sự phân công của cấp trên;

10. Xây dựng, bồi dưỡng, nâng cấp đội ngũ cán bộ liên quan đến công tác xúc tiến đầu tư;

11. Xem xét cho phép đầu tư vào các hoạt động kiểm soát và nhượng quyền ở cấp quản lý;
12. Chỉ đạo việc thực hiện dịch vụ đầu tư một cửa nhằm thúc đẩy, thu hút đầu tư có hiệu quả;
13. Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện pháp luật, quy định có liên quan và các hợp đồng liên quan đến đầu tư ở cấp quản lý;
14. Thường xuyên tổng hợp, báo cáo hoạt động công tác đầu tư lên cấp trên;
15. Thực hiện quyền và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 94 (Sửa đổi) Quyền và nghĩa vụ của các ngành và các bộ phận khác**

Ngành và các bộ phận liên quan có quyền và nghĩa vụ hợp tác, tạo điều kiện, phối hợp với ngành Kế hoạch và Đầu tư trong việc quản lý công tác khuyến khích đầu tư theo vai trò, trách nhiệm của mình.

### **CHƯƠNG 2 THANH TRA CÔNG TÁC KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ**

#### **Điều 95 (Sửa đổi) Cơ quan thanh tra công tác khuyến khích đầu tư**

Cơ quan thanh tra công tác khuyến khích đầu tư gồm có:

1. Cơ quan kiểm tra nội bộ là tổ chức tương tự như tổ chức quản lý khuyến khích đầu tư quy định tại Điều 89 của Luật này;
2. Cơ quan thanh tra bên ngoài là Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Tổ chức Thanh tra Nhà nước các cấp, Tổ chức Kiểm toán Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Lào, Hội Cựu chiến binh Lào, các tổ chức đoàn thể, công thương, cơ quan truyền thông và nhân dân.

Cơ quan thanh tra công tác khuyến khích đầu tư có quyền đề xuất các biện pháp khắc phục để ngành liên quan xem xét trong trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật về khuyến khích và quản lý đầu tư.

#### **Điều 96 (sửa đổi) nội dung thanh tra**

Nội dung thanh tra gồm có:

1. Việc thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược và các quy định về công tác xúc tiến đầu tư;
2. Thực hiện hợp đồng đầu tư và thực hiện các nghĩa vụ của nhà đầu tư;
3. Bản luận chứng kinh tế - kỹ thuật, bảo vệ môi trường, bao gồm tác động đến tài sản nhà nước, dân, nhà đầu tư và nhà phát triển;
4. Thực hiện các biện pháp an toàn lao động;
5. Các nội dung khác xét thấy cần thiết.

#### **Điều 97 (Sửa đổi) Hình thức thanh tra**

Việc kiểm tra có ba hình thức như sau:

1. Thanh tra thường xuyên là thanh tra được tiến hành thường xuyên theo kế hoạch và có thời hạn nhất định;
2. Thanh tra có báo trước là kiểm tra đột xuất khi xét thấy cần thiết và phải thông báo trước cho người được kiểm tra;
3. Thanh tra đột xuất là việc kiểm tra đột xuất mà không thông báo trước cho người bị kiểm tra.

Trong thanh tra công tác xúc tiến đầu tư phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

## **PHẦN XI**

### **CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ THÀNH TÍCH VÀ BIỆN PHÁP ĐỐI VỚI NGƯỜI VI PHẠM**

#### **Điều 98 Chính sách đối với người có thành tích**

Các cá nhân, pháp nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Luật này như đầu tư có hiệu quả, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, thu hút, khuyến khích đầu tư sẽ được khen thưởng và được hưởng các chính sách khác theo quy định.

#### **Điều 99 Các biện pháp xử lý người vi phạm**

Các cá nhân, pháp nhân, tổ chức vi phạm luật này sẽ bị giáo dục, cảnh cáo, kỷ luật, phạt tiền, bồi thường thiệt hại dân sự hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

## **PHẦN XII**

### **QUY ĐỊNH CUỐI CÙNG**

#### **Điều 100: Tổ chức thực hiện**

Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là cơ quan thi hành Luật này.

#### **Điều 101 (sửa đổi) Hiệu lực**

Luật này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2024 sau khi Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ban hành Nghị định ban hành và ký công văn.

Luật này thay thế Luật Khuyến khích đầu tư số 14/QH, ký ngày 17 tháng 11 năm 2016 và Luật sửa đổi Điều 12 Luật Khuyến khích đầu tư sửa đổi năm 2016 số 80/QH, ngày 4 tháng 12 năm 2019.

Các nhà phát triển và nhà đầu tư được hưởng chính sách theo hợp đồng với chính phủ không có thay đổi cho đến khi kết thúc hợp đồng. Các nhà phát triển và nhà đầu tư nếu dự định nhận chính sách khuyến khích đầu tư theo luật này phải đề nghị ngành liên quan trong vòng một trăm tám mươi ngày và sau đó ngành trên phải thông báo cho người đề xuất thực hiện.

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**  
(Đã ký và đóng dấu)  
***TS Xaysomphone Phomvihan***

